

Các vị Vua đầu đời Trần với việc nghiên cứu Phật học

ISSN: 2734-9195

15:10 28/08/2025

Sáng tác của các vị vua đầu triều Trần về Phật học đã góp phần chứng tỏ sức sống bền bỉ của Phật giáo không chỉ trong xã hội, đời sống nhân dân mà còn thể hiện ở tầng lớp cấp cao của triều đình- nhà vua.

Tác giả: **ThS. Mai Thị Huyền**

Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 09/2025

Tóm tắt: Bài viết đề cập đến việc nghiên cứu Phật học của các vị vua đầu thời Trần. Các vấn đề mà các tác giả là nhà vua để lại như quan niệm về triết học nhân sinh Phật giáo, tâm, nội tâm, phương pháp để thành đạo, các tác phẩm văn xuôi, thơ, kệ,...

Từ đó có thể thấy sức sống của Phật giáo trong xã hội thời Trần mà biểu hiện cụ thể ở tầng lớp lãnh đạo đất nước.

Từ khóa: Đời Trần, nghiên cứu Phật học, vua, Phật giáo, nhân sinh quan

Mở đầu

Trong nền văn hóa của dân tộc, Phật giáo đóng góp vai trò quan trọng. Có nhiều hình thức biểu hiện cho sự phát triển của **Phật giáo thời Trần** như: số lượng chùa chiền, tăng ni, kinh điển, đúc chuông, tô tượng, xây tháp, vai trò của các thiền sư trong xã hội... Trong số đó, việc trước tác nghiên cứu về Phật học cũng được nhà vua, quan lại và hoàng tộc chú trọng. Các vua đầu triều Trần thể hiện sự sùng kính Phật giáo, đã dành thời gian vào việc nghiên cứu tôn giáo bằng nhiều loại hình sáng tác khác nhau.



Đền Trần, Phường Lộc Vượng, Nam Định (nay là Ninh Bình) - Ảnh: Minh Khang

1. Vài nét về các vị vua đầu thời Trần

Các vị vua đầu triều Trần bao gồm Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông và Trần Thánh Tông. Đây cũng là ba vị vua có số lượng tác phẩm nghiên cứu về Phật học nhiều nhất vào đầu thời Trần.

Trần Thái Tông, là con của Trần Thừa và có thân mẫu là người họ Lê, sinh tại hương Tức Mặc, phủ Thiên Trường, (nay thuộc thành phố Nam Định), tỉnh Nam Định(1). Là vị vua đầu tiên của vương triều Trần, ông có nhiều công trạng. Viết về vua Trần Thái Tông, sách Đại Việt sử ký toàn thư có đoạn: “*Họ Trần, tên húy là Cảnh, trước tên húy là Bồ, làm Chi hậu chính triều Lý, được Chiêu Hoàng nhường ngôi, ở ngôi 33 năm (1226-1258), nhường ngôi 19 năm, thọ 60 tuổi (1218-1277) bằng ở cung Vạn Thọ, táng ở Chiêu Lăng. Vua khoan nhân đại lộ, có lượng đế vương, cho nên có thể sáng nghiệp truyền dòng, lập kỷ dựng cương, chế độ nhà Trần thực to lớn vậy*”(2). Việc cai quản đất nước của Trần Thái Tông cũng được phản ánh rõ qua các sự kiện chép trong bộ sử. Ông đã trị vì đất nước với nhiều thành tựu rực rỡ. Trần Thái Tông đã cho mở khoa thi, đặt lễ nghi, định luật lệ và tu sửa Văn Miếu. Về cách trị nước của nhà vua, được sử gia chép lại cụ thể vào năm Bính Ngọ (1246) như sau: “*Bấy giờ quốc gia vô sự, nhân dân yên vui, người làm quan giữ mãi một chức, người ở quán, các 10 năm mới được xuất thân, [...] chức tể tướng thì chọn người hiền năng trong tôn thất,*

có đạo đức, tài nghệ, thông hiểu thi thư thì cho làm”(3). Vua còn thân chinh ra mặt trận chống giặc Mông- Nguyên giành thắng lợi vào năm 1257. Bên cạnh việc điều hành chính sự, Trần Thái Tông còn dành thời gian nghiên cứu và sáng tác. Danh sách tác phẩm của Trần Thái Tông gồm 60 bài với nhiều thể loại như văn xuôi, thơ và kệ.

Trần Thánh Tông (1240-1290), là con trai của Trần Thái Tông và Hoàng hậu Thuận Thiên, tên thật là Trần Nhật Huyền hay Trần Hoảng. Nhà vua có mặt trong ba lần kháng chiến chống quân Mông - Nguyên và đều giành chiến thắng. Trong thời gian trị vì đất nước, ông đã sai Hàn lâm viện học sĩ kiêm Quốc sử viện giám tu Lê Văn Hưu biên soạn lịch sử Việt Nam với tựa đề Đại Việt sử ký. Bộ sách soạn lịch sử từ thời Triệu Đà đến Lý Chiêu Hoàng, gồm 30 quyển, hoàn thành vào năm 1272. Không chỉ cương quyết trong việc đối ngoại, xây dựng lực lượng quân đội hùng mạnh mà Trần Thánh Tông còn có tâm hồn trong trẻo, sáng tác thi ca và nghiên cứu Phật học. Sách Đại Việt sử ký toàn thư viết về vua Trần Thánh Tông như sau: *“Vua trung hiếu nhân thứ, tôn hiền trọng đạo, cha khai sáng trước, con kế thừa sau, cơ nghiệp nhà Trần được bền vững vậy”*(4). Số lượng tác phẩm của vua Trần Thánh Tông bao gồm 16 bài thơ và kệ.

Trần Nhân Tông tên húy là Khâm, con trưởng của Trần Thánh Tông và Nguyên Thánh Thiên Cảm Hoàng Thái hậu, sinh năm Mậu Ngọ (1258). Ông đã làm vua 14 năm (1279-1293) sau đó truyền ngôi cho con và đi tu, mất năm 1308, thọ 51 tuổi. Vua lãnh đạo đất nước giành thắng lợi to lớn trong hai lần kháng chiến chống quân Mông - Nguyên năm 1285 và 1288. Khi tu hành ở Yên Tử, ông đã lập ra một giáo phái tên gọi là Trúc Lâm và ông là Trúc Lâm đệ nhất tổ. Sách Đại Việt sử ký toàn thư chép về Trần Nhân Tông như sau: *“Vua nhân từ, hòa nhã, cố kết lòng dân, sự nghiệp trù hưng sáng ngời thuở trước, thực là bậc vua hiền của nhà Trần”*(5). Số lượng tác phẩm của vua Trần Nhân Tông gồm 37 bài với nhiều thể loại.

Nét chung của ba vị vua đầu triều Trần là say mê nghiên cứu Phật học và dành thời gian tìm hiểu về Phật giáo. Tác giả sách Đại Việt sử ký toàn thư cho rằng vua Trần Thánh Tông và Trần Nhân Tông đều tập trung tư tưởng vào việc thiền định, tập trung vào cõi tam muội, nhằm mục đích đạt đến cảnh giới giải thoát. Dù nhận xét của các sử gia phong kiến thiên về quan điểm Nho giáo, dùng cái nhìn khắt khe để đánh giá con người, nhưng rõ ràng Phật giáo thời Trần đã đạt đến sự phát triển rất mạnh, có ảnh hưởng đến dân chúng và triều đình.

2. Việc nghiên cứu Phật học của các vị vua đầu triều Trần

Hoàn cảnh Đại Việt ở thế kỷ XIII-XIV thực sự có những tác động đến người đứng đầu nhà nước. Với vị trí cầm quyền, người lãnh đạo có cái nhìn sâu rộng và chiến lược về những vấn đề chính trị, xã hội cũng như quốc phòng để bảo vệ tổ quốc. Bên cạnh đó, phương diện văn hóa cũng là nội dung mà các vua Trần quan tâm. Trên cơ sở của lòng yêu nước, tư tưởng thân dân, yên dân, đoàn kết là dòng chảy xuyên suốt trong thời đại nhà Trần.

Đối diện với cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên, tinh thần đoàn kết càng có ý nghĩa quan trọng cấp thiết. Các vua Trần nhìn thấu rõ nội tại văn hóa Việt Nam có sự hỗn dung giữa yếu tố bản địa và những triết lý nhân sinh đúng đắn của Phật giáo. Bởi vậy, những nội dung, kinh điển của nhà Phật có sức hút mạnh mẽ đối với các vua triều Trần. Đó là lý do mà các vua Trần, đặc biệt là các vua đầu triều chú trọng vào việc nghiên cứu Phật pháp.

Về thời gian sáng tác

Không nhiều tư liệu cho biết về thời điểm chính xác ra đời của các tác phẩm về Phật học của vua Trần. Tuy nhiên, dựa trên thời gian trị vì hoặc các giai đoạn trong cuộc đời của nhà vua, có thể đoán định được khoảng thời gian xuất hiện của tác phẩm. Nguyễn Huệ Chi cho rằng Trần Thánh Tông sáng tác sau khi ông đã đi tu, nghĩa là không còn giữ cương vị lãnh đạo đất nước. Ví như bài thơ “Độc Phật sự đại minh lục hữu cảm” chắc chắn là ra đời khi Trần Thánh Tông đi tu(6). Bài thơ bày tỏ cảm xúc của ông khi đọc kinh Phật, qua đó bày tỏ thái độ cá nhân trước thời cuộc.

Đối với Trần Nhân Tông, có quan điểm cho rằng ông sáng tác khi còn tại vị. Hòa thượng Thích Gia Quang nhận định: “Là vua nhưng khi có thời gian, Trần Nhân Tông luôn tranh thủ tham cứu thiền học, sau lại lấy thiền để hỗ trợ cho những hoạt động chính trị hàng ngày. Bởi vậy, cuộc sống của Trần Nhân Tông luôn thích ứng với trạng thái của xã hội. Khi dân tộc bình yên, ngài vừa lo những việc chính trị hàng ngày, vừa nghiên cứu thiền học, nhưng khi dân tộc bị Đế quốc Mông- Nguyên xâm lăng, Ngài liền xếp lại mọi việc học tập, nghiên cứu mà khoác chiến bào xông pha ra trận”(7).

Về số lượng tác phẩm

Dựa trên nhiều nguồn tư liệu và những nghiên cứu gần đây, có thể thấy “chỉ có dưới thời Trần mới có nhiều nhà vua ham thích kê cứu Phật học, để lại nhiều thơ phú và tác phẩm về đạo Thiền nổi tiếng”(8). Điều này thể hiện qua trước tác của các vị vua đầu triều Trần. Trong số đó, vị vua đầu tiên của triều Trần là Trần Thái Tông, số lượng tác phẩm của ông chiếm phần lớn trong các sáng tác của ba vị vua đầu triều.

Bảng 1: Tác phẩm của các vị vua đầu thời Trần viết về Phật giáo

Số lượng	Trần Thái Tông	Trần Thánh Tông	Trần Nhân Tông
	Kỳ Thanh phong am tăng Đức Sơn, Thiền tông chỉ nam tự, Kim cương tam muội kinh tự, Khóa hư lục (gồm các bài: Phổ thuyết sắc thân, Phổ khuyến phát bồ đề tâm, Giới định tuệ luận, Thụ giới luận, Niệm Phật luận, Tọa thiền luận, Tuệ giáo giám luận, Bình đẳng lễ sám văn tự, Giới sát sinh văn, Giới thâu đạo, Giới sắc văn, Giới vọng ngữ văn, Giới tửu văn, Niệm tụng kệ, Lục thi sám hối khoa nghi tự, Dẫn thi cảnh sách chúng kệ, Hiền hượng kệ, Hiền hoa kệ, Sám hối nhĩ căn tội, Chí tâm khuyến thỉnh, Chí tâm tùy hỷ, Chí tâm hồi hướng, Chí tâm phát nguyện, Sơ nhật vô thường kệ, Sám hối nhĩ căn tội	Thiền tông liễu ngộ (Bài ca giác ngộ thiền tông), Chân tâm chỉ dụng, Độc Phật sự đại minh lục hữu cảm, Tự thuật, Độc Đại Tuệ ngữ lục hữu cảm (Cảm xúc khi đọc Đại tuệ ngữ lục), Sinh tử.	Xuân văn, Đề Cổ châu hương thôn tự, Đắc thú lâm tuyền thành đạo ca, Thượng sĩ hành trang, Sư đề văn đáp, Thiền lâm chiết chủy ngữ lục, Tăng già toái sự, Thạch thất my ngữ, Cư trần lạc đạo.
Tổng cộng	35	6	9

Nguồn: Nguyễn Huệ Chi (Chủ biên), Thơ văn Lý- Trần, tập II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1988; Lê Cung (Chủ biên), Phật hoàng Trần Nhân Tông cuộc đời và sự nghiệp (1258-1308), Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2019.

Hiện nay, số lượng tác phẩm của vua Trần Thái Tông đáng tiếc là đã bị thất lạc. Theo tác giả Nguyễn Huệ Chi thì ông chỉ còn “hai bài thơ, hai bài văn, một đề tựa cuốn Kinh kim cương, một đề tựa tác phẩm Thiền tông chỉ nam ca của ông và một tác phẩm từ lâu vẫn nổi tiếng là Khóa hư lục”(9).

Tác phẩm của Trần Thánh Tông nghiên cứu về Phật học là những bài thơ mang đậm cảm quan Phật giáo. Nhà vua suy tư về các khái niệm như động - tĩnh, sinh- diệt. Trần Nhân Tông sáng tác về nội dung Phật học cũng chiếm một tỷ lệ đáng kể. Trong số đó bài phú Cư trần lạc đạo là phương châm hành xử của ông trong cuộc sống, cũng như tư tưởng của người cầm quyền trong thời điểm bấy giờ.



Tháp chùa Phổ Minh, Ninh Bình - Ảnh: Minh Khang

Về nội dung, giá trị tư tưởng

Yếu tố chi phối đến nội dung và tư tưởng chính là những bộ kinh Phật được đề cập trong sáng tác của các vị vua đầu thời Trần. Rất ít tài liệu cho biết về xuất xứ của các loại kinh này, mà chỉ biết được một vài nội dung sơ lược. Trong bài văn chữ Hán “Kim cương tam muội kinh tự” (Tựa kinh Kim cương tam muội), Trần Thái Tông viết: *“Trẫm nghe, bản tính sâu trầm; chân tâm trong lặng. Khuyết tròn đều dứt, tính trí nào tìm được mối manh; tan hợp đều quên, tai mắt há dựa vào hình bóng. Hữu vô nắm được; đạo tục san bằng. Sừng sững riêng mình; cao siêu có một. Đó là dòng sông trọng yếu của tự tính kim cương vậy”*. Theo chú giải của tác giả Nguyễn Huệ Chi thì *“Kim cương tam muội: tên đầy đủ là Kim cương bát nhã ba la mật đa □ □ □ □ □ □ □ □ một trong những bộ kinh lớn của Phật giáo”*(10). Riêng bộ Đại Tuệ ngữ lục mà Trần Thánh Tông viết trong thơ của ông là sách thiền học của Trung Quốc, được các Thiền sư và nhà thiền học sử dụng phổ biến dưới thời Trần, tuy vậy, nội dung cụ thể và tác giả là

ai thì vẫn là một khoảng trống chưa được làm rõ.

Nội dung và tư tưởng chủ yếu trong các tác phẩm nghiên cứu Phật học của Trần Thái Tông là đề cao tư tưởng hướng nội và biện tâm, chủ trương chú tâm đến cái tâm, luyện tập để tâm vượt lên trên ngoại cảnh, nhằm đạt đến sự giác ngộ.

Tâm là tư tưởng chủ đạo, là vấn đề mà Trần Thái Tông quan tâm nhất. Vấn đề tâm được nhắc lại nhiều lần trong bài “Niệm Phật luận” (Bàn về niệm Phật). Trần Thái Tông viết: *“Niệm Phật là điều khởi dậy do Tâm. Tâm khởi dậy điều thiện tức là ý nghĩ thiện. Ý nghĩ thiện khởi dậy thì thiện nghiệp báo lại. Tâm khởi dậy điều ác tức là nghĩ ác. Ý nghĩ ác nảy sinh thì ác nghiệp ứng theo. Như gương hiện ảnh, như bóng theo hình”(11)*. Theo đó, có thể hiểu cách suy luận của Trần Thái Tông về tâm là: Tâm->ý nghĩ-> Nghiệp. Tương ứng với quá trình này Nghiệp-> kết quả, nghiệp dẫn đến kết quả của hành động hay sự việc xảy đến với một người. Vậy nghiệp là một phản lực tác động trở lại với tâm, vì vậy muốn thay đổi nghiệp, con người phải thay đổi tâm. Tâm tức là yếu tố bên trong, chứ không phải ngoại cảnh, nếu đã thay đổi được tâm thì hoàn cảnh cũng có thể thay đổi theo. Vậy nên, giá trị bên trong của con người là hết sức quan trọng, giữ vai trò quyết định, là chủ thể của hoàn cảnh.

Với Trần Thái Tông, muốn ngộ đạo, giải thoát cần phải biện tâm, uốn nắn tâm để đạt đến sự giác ngộ. Theo ông, để uốn nắn tâm rất cần các biện pháp và thời gian để thực hiện. Một trong những biện pháp để điều chỉnh tâm là niệm Phật. Có lẽ vì lý do này mà Trần Thái Tông đề cao việc niệm Phật, ông viết: *“Nay kẻ tu hành muốn khơi dậy ý nghĩa chân chính để dập tắt ba nghiệp cũng là nhờ công niệm Phật vậy. [...] Bậc trung trí ắt nhờ vào niệm Phật. Chỉ cần ý tinh cần, luôn luôn niệm mà không quên thì tâm mình ắt tự thuần thiện. Ý nghĩ thiện đã hiện ra thì ý nghĩ ác sẽ bị tiêu tan; ý nghĩ ác bị tiêu tan thì chỉ còn ý nghĩ thiện. Dùng ý nghĩ mà ý thức về ý nghĩ thì mọi ý nghĩ đều bị tiêu diệt hết. Khi ý nghĩ đã bị tiêu diệt ắt trở về chính đạo; lúc mệnh hết qua đời sẽ được niềm vui cõi niết bàn”(12)*. Như vậy, Niết bàn trong tư tưởng của Trần Thái Tông là điểm đến sau khi con người đã sang thế giới bên kia, nên quá trình tu học, hành đạo là việc làm tiệm cận đến sự giải thoát, hay nói cách khác là cách thiền tiệm ngộ(13).

Trong sáng tác của Trần Thái Tông, yếu tố vô thường cũng được ông nhận thức một cách sâu sắc:

Kệ vô thường lúc bấy giờ

Cảnh gần về chiều, mặt trời khuất non Tây,

Đến bao giờ mới luyến tiếc tắc bóng.

Chỉ có thể buông lỏng ý ngựa,

Nào chịu dừng lại cái lòng vượn,

Mặt trời mọc rồi sẽ lặn,

Tấm thân nổi rồi lại chìm.

Tuổi già đến, nào kể gì khôn dại,

Việc chết thì xưa cũng như nay.

Không tránh khỏi lúc vô thường dẫn tới,

Khó trốn khỏi cái hạn lớn kéo về.

Ai nấy nên tu hành chính đạo,

Chớ để mình lạc vào rừng tà(14).

Bài kệ trên mang tính thiền độc đáo. Mặc dù tác giả/nhà vua nhận thức được quy luật của tự nhiên cũng như cuộc sống con người đều có sinh, trụ, dị, diệt; sinh, lão, bệnh, tử nhưng trong lời kệ vẫn toát lên tâm thái ung dung. Cái nhìn vô thường đối với sự vật, nhận thức được sự vô thường của thế sự là nội dung chủ đạo mà tác giả muốn truyền tải đến người đọc. “*Mặt trời mọc rồi sẽ lặn, tấm thân nổi rồi lại chìm*” là bằng chứng của sự biến động của sự việc, hiện tượng mà không một ai có thể tránh khỏi. Nhưng tâm thế an nhiên trước sự việc chỉ có thể xuất hiện khi chủ thể của bài kệ đã trải qua tất cả thăng trầm của cuộc sống. Đó là thăng trầm của cả dân tộc, sự nỗ lực của nhà nước, nhân dân đoàn kết đồng lòng, đứng lên chống quân xâm lược Mông - Nguyên. Sau tất cả những mất mát, hi sinh trong cuộc kháng chiến, vua Trần Thái Tông đã chứng ngộ được triết lý của nhà Phật: vạn sự đều vô thường.

Tác phẩm của Trần Thánh Tông tập trung vào các vấn đề như: suy nghĩ và cảm xúc khi đọc kinh điển Phật, tính thiện và tính không. Một bài thơ chữ Hán của Trần Thánh Tông cho thấy thái độ điềm nhiên trước những việc đã xảy ra, cũng thể hiện sự am tường sâu sắc về con đường tu tập Phật giáo:

Độc Phật sự đại minh lục hữu cảm

Tứ thập dư niên nhất phiến thành,

Lao quan khiêu xuất vạn trùng quynh.

Động như không cốc phong xao hưởng,

Tĩnh nhược hàn đàm nguyệt lậu minh.

Cú lý ngũ huyền thân thấu đắc,

Lộ đầu thập tự nhậm tung hoành.

Hữu nhân vấn ngã hà tiêu tức,

Vân tại thanh thiên thủy tại bình.

Dịch thơ:

Cảm xúc khi đọc Phật sự đại minh lục

Bốn mươi năm lẻ một tâm thành,

Cửa khổ muôn trùng vượt nhẹ tênh.

Động tựa hang không gào gió táp,

Tĩnh như đầm lặng rọi trăng thanh.

Nắm huyền nghĩa lý gồm thâu được,

Bốn ngã dọc ngang mặc sức mình.

Ai kẻ hỏi ta sinh với diệt,

Mây trên trời biếc, nước trong bình(15).



Chùa Phổ Minh, Ninh Bình - Ảnh: Minh Khang

Hoặc tư tưởng về chân tâm/tâm/bản thể của con người đã được Trần Thánh Tông khẳng định rằng đó là một sự thông tuệ, lạng lẽ, không đầy, không khuyết, là trạng thái vừa đủ, quân bình:

Chân tâm chi dụng

Chân tâm chi dụng,

Tinh tinh tịch tịch,

Vô khứ vô lai,

Vô tổn vô ích.

Nhập đại nhập tiểu,

Nhập thuận nhập nghịch.

Động như vân hạc,

Tĩnh như tường bích.

Kỳ khinh như mao,

Kỳ trọng như thạch.

Sái sái nhi tịnh,

Khỏa khỏa nhi xích.

Bất khả đặc lượng,

Toàn vô tung tích.

Kim nhật vị quân,

Phân minh ngẫu phách.

Dịch nghĩa:

Tính năng của chân tâm

Dụng của chân tâm,

Thông tuệ, lạng lẽ

Không đi không đến,

Không bớt không thêm.

Vào nhỏ hay vào to,

Mặc kệ thuận hay nghịch.

Động thì như mây, như hạc,

Tĩnh thì như tường, như vách.

Nhẹ tựa mảy lông,

Nặng như đá.

Lầu lầu trong sạch,

Trần trụi không có vật gì.

Không thể đo lường,

Hoàn toàn không có tung tích.

Nay ta vì người,

Tổ bày rành mạch(16).

Quan niệm về chân tâm của ông mang tính triết học, cụ thể là triết học nhị nguyên. Không một sự vật nào tồn tại mà không có hai mặt của nó: sáng - tối, yếu - mạnh, nặng - nhẹ, động - tĩnh, v.v. Có thể nói đây là cái nhìn rất đúng đắn và thực tế của Trần Thánh Tông trong quan niệm về sự vật, vì thế bài kệ thể hiện quan điểm triết học nhưng vẫn mang tính thiền học rõ rệt.

Trong bài Tự thuật, Trần Thánh Tông bày tỏ sự bình thản trước trần thế và cho rằng “tính không” vốn là bản chất của sự vật:

Từ phen để chỏm, nhập làng Thiền,

Đập gối dùi rùa đốc chí bền.

Nhận được khuôn trăng như nó có,

Đến đâu mà chẳng thấy hồn nhiên.

...

Không thiếu không dư ở cõi lòng,

Phật không, người cũng vẫn là không.

Cảnh thu xa vắng, trời xa vắng,

Mây khóa non xanh, mặc ruổi rong(17).

Nối tiếp tư tưởng của Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, nhà vua/tác giả Trần Nhân Tông nghiên cứu Phật học chỉ ra tính không của mọi sự. Trong đó, ông cũng đề cao “cái tâm” của con người:

Hết thấy muôn pháp,

Đều từ tâm sinh,

Tâm không chỗ sinh,

Pháp không chỗ tựa.

Nếu đạt được tâm,

Không gì ngăn trở(18).

Bài phú Cư trần lạc đạo đã thể hiện thái độ an nhiên, tùy duyên với sự vật:

Mình ngồi thành thị

Nét dựng sơn lâm.

Muôn nghiệp lặng an nhàn thể tính;

Nửa ngày rồi tự tại thân tâm.

Tham ái nguồn dòng,

Chẳng còn nhớ châu yêu ngọc quý;

Thị phi tiếng lặng, được dầu nghe yến thốt oanh ngâm.

Chơi nước biếc, ẩn non xanh, nhân gian có nhiều người đắc ý;

Biết đào hồng, hay liễu lục, thiên hạ năng mấy chủ tri âm.

Nguyệt bạc vùng xanh, soi mọi chỗ thiền hà lai láng...

Ở đời vui đạo, hãy tùy duyên,

Đói cứ ăn đi, mệt ngủ liền

Trong nhà có báu thôi tìm kiếm

Đối cảnh vô tâm, chớ hỏi Thiền(19).

Trần Nhân Tông cũng chủ trương đối cảnh vô tâm- đối diện với hoàn cảnh mà tâm không nảy sinh cảm xúc, không động loạn. Nét chung của văn thơ thiền thời Trần đều là nội dung này, nó được đề cập đến trong các sáng tác của nhiều nhà thiền học như Tuệ Trung Thượng sĩ, hay sau này là Thiền sư Hương Hải.

Phương châm tu hành cũng như xử thế của Trần Nhân Tông không hề có ý định thoát tục, thoát thế mà luôn nhập thế, hòa mình với cuộc sống, với xã hội. Với ông, chỉ cần *“giường thiền ở dưới gốc cây, kinh một quyển”* thì có thể nhận thấy *“Hai chữ thanh nhàn quý hơn vạn nén vàng”*(20). Cho nên, sự giác ngộ của cá nhân giữa cuộc đời là điều hết sức quan trọng:

Trần tục mà nên, phúc ấy càng yêu hết tấc;

Sơn lâm chẳng cốc, họa kia thực cả đồ công(21).

Sự thống nhất trong các sáng tác của Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông và Trần Nhân Tông là quan điểm Phật và ta vốn là một. Trần Thái Tông cho rằng *“Thân ta tức là thân Phật”*, Trần Thánh Tông quan niệm là *“Vạn pháp giai không, Phật thánh và chúng sinh đều không có sự phân biệt”*(22), còn Trần Nhân Tông khẳng định:

"Bụt ở trong nhà

Chẳng phải tìm xa

Nhân khuấy bốn nên ta tìm Bụt

Đến mới hay chính Bụt là ta”(23)

Tư tưởng Bụt là ta cũng đồng nghĩa với chủ trương *“Phật tại tâm”* của người Việt.

3. Nhận xét

Việc nghiên cứu Phật học của ba vị vua đầu triều Trần không nằm ngoài bối cảnh xã hội Đại Việt thế kỷ XIII-XIV. Bên cạnh việc xây dựng, phát triển đất nước, chống giặc ngoại xâm, phát huy tinh thần đoàn kết và lòng yêu nước của cả dân tộc, thì lĩnh vực văn hóa, đặc biệt là Phật giáo lại có thêm những điều kiện để tiếp tục phát triển. Các vua Trần tìm thấy ở Phật giáo những quan điểm đúng đắn nhằm vận dụng vào việc trị nước, mặt khác cũng là để tìm ra con

đường giác ngộ cho chính bản thân mình.

Với số lượng tác phẩm về Phật học khá lớn, vua Trần Thái Tông đã thể hiện sự say mê, tinh thần sùng kính Phật, đề cao chữ tâm, bản chất thiện của con người,...Trần Thánh Tông và Trần Nhân Tông ngoài việc đề cao chân tâm, còn đưa ra những quan niệm cụ thể về tính không, vô thường của sự vật, hiện tượng, đề cao Phật tính. Nội dung cốt yếu vẫn là cái tâm- gốc rễ bên trong của mỗi người. Phát triển, uốn nắn và thực hành chữ tâm nhằm giữ vững bản lĩnh trước cám dỗ của đời sống, phù hợp với đạo đức của xã hội là vấn đề mà các vua đầu triều Trần quan tâm, trăn trở. Những nội dung này có đóng góp không nhỏ đối với sự phát triển của Phật học dưới thời Trần, cũng là những kinh nghiệm quý có tính giáo dục đối với hậu thế.

Sáng tác của các vị vua đầu triều Trần về Phật học đã góp phần chứng tỏ sức sống bền bỉ của Phật giáo không chỉ trong xã hội, đời sống nhân dân mà còn thể hiện ở tầng lớp cấp cao của triều đình- nhà vua. Tác phẩm của các vua đã góp phần làm phong phú nền văn học trung đại Việt Nam bởi tính thiền học và giá trị thực tiễn sâu sắc.

Tác giả: **ThS. Mai Thị Huyền** - Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 09/2025

Chú thích:

(1) Từ 01/7/2025, Nam Định thuộc Ninh Bình.

(2) Đại Việt sử ký toàn thư, tập II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, tr. 7.

(3) Đại Việt sử ký toàn thư, tập II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, tr. 21.

(4) Đại Việt sử ký toàn thư, tập II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, tr. 30.

(5) Đại Việt sử ký toàn thư, tập II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, tr. 44.

(6) Nguyễn Huệ Chi (Chủ biên), Thơ văn Lý- Trần, tập II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1988, tr. 410. Tác giả khẳng định Trần Thánh Tông sáng tác bài thơ này sau khi đã đi tu, tức là sau năm 1279.

(7) Thích Gia Quang, Tư tưởng nhập thế của trường phái Trúc Lâm Yên Tử trong sự nghiệp đoàn kết, xây dựng và phát triển đất nước, Tạp chí Nghiên cứu Phật học, số 1 (184), 2024, tr. 50.

(8) Nguyễn Thị Phương Chi, *Kinh tế, xã hội thời Trần (thế kỷ XIII-XIV)*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, 2009, tr. 175.

(9) Nguyễn Huệ Chi (Chủ biên), *Thơ văn Lý- Trần, tập II*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1988, tr. 20.

(10) Nguyễn Huệ Chi (Chủ biên), *Thơ văn Lý- Trần, tập II*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1988, tr. 33- 34.

(11) Nguyễn Huệ Chi (Chủ biên), *Thơ văn Lý- Trần, tập II*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1988, tr. 84-85.

(12) Nguyễn Huệ Chi (Chủ biên), *Thơ văn Lý- Trần, tập II*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1988, tr. 85.

(13) Theo quan điểm của Phật giáo Đại thừa, thiền có hai loại là Tiệm ngộ và Đốn ngộ. Đốn ngộ là nhanh chóng đạt được sự giải thoát nhờ trí tuệ Bát nhã của Bồ tát, còn Tiệm ngộ là từng bước tiếp cận đến sự giác ngộ thông qua quá trình tu tập.

(14) Nguyễn Huệ Chi (Chủ biên), *Thơ văn Lý- Trần, tập II*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1988, tr. 191.

(15) Nguyễn Huệ Chi (Chủ biên), *Thơ văn Lý- Trần, tập II*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1988, tr. 409-410.

(16) Nguyễn Huệ Chi (Chủ biên), *Thơ văn Lý- Trần, tập II*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1988, tr. 414.

(17) Nguyễn Huệ Chi (Chủ biên), *Thơ văn Lý- Trần, tập II*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1988, tr. 408.

(18) Nguyễn Huệ Chi (Chủ biên), *Thơ văn Lý- Trần, tập II*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1988, tr. 519.

(19) Lê Cung (Chủ biên), *Phật hoàng Trần Nhân Tông cuộc đời và sự nghiệp (1258-1308)*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2019, tr. 259-260.

(20) Nguyễn Huệ Chi (Chủ biên), *Thơ văn Lý- Trần, tập II*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1988, tr. 535.

(21) Lê Cung (Chủ biên), *Phật hoàng Trần Nhân Tông cuộc đời và sự nghiệp (1258-1308)*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2019, tr. 303.

(22) Lưu Hồng Hoa, *Thiền gia Hoàng đế Trần Thánh Tông với việc xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước*, Tapchinghiencuuphathoc.vn/tran-thanh-tong-xay-dung-bao-ve-dat-nuoc.html, đăng ngày 24/12/2023.

(23) Trần Nhân Tông và Phật giáo Trúc Lâm đặc sắc tư tưởng, văn hóa, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2019, tr. 235.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Nguyễn Thị Phương Chi, *Kinh tế, xã hội thời Trần (thế kỷ XIII-XIV)*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, 2009.

[2]. Nguyễn Huệ Chi (Chủ biên), *Thơ văn Lý- Trần, tập II*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1988.

[3]. Lê Cung (Chủ biên), *Phật hoàng Trần Nhân Tông cuộc đời và sự nghiệp (1258-1308)*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2019.

[4]. *Danh nhân Hà Nội, tập II, Hội Văn nghệ Hà Nội*, 1976.

[5]. *Đại Việt sử ký toàn thư, tập II*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993.

[6]. Lưu Hồng Hoa, *Thiền gia Hoàng đế Trần Thánh Tông với việc xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước*, Tapchinghiencuuphathoc.vn/tran-thanh-tong-xay-dung-bao-ve-dat-nuoc.html, đăng ngày 24/12/2023.

[7]. Thích Quảng Hợp, *Vài nét về tính không của Phật hoàng Trần Nhân Tông ảnh hưởng tới Phật tử Việt Nam hiện nay*, in trong *Trần Nhân Tông và Phật giáo Trúc Lâm đặc sắc tư tưởng, văn hóa*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2019, tr. 282-292.

[8]. Vũ Thị Kim Oanh, *Quan niệm về đạo đức trong nhân sinh quan Phật giáo nhà Trần*, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, số 3 (185), 2024, tr. 35-39.

[9]. Thích Gia Quang, *Tư tưởng nhập thế của trường phái Trúc Lâm Yên Tử trong sự nghiệp đoàn kết, xây dựng và phát triển đất nước*, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, số 1 (184), 2024, tr. 47- 54.

[10]. Vũ Văn Quân (Chủ biên), *Vương triều Trần (1226-1400)*, Nxb. Hà Nội, 2019.

[11]. Lê Mạnh Thát, *Tổng tập văn học Phật giáo Việt Nam, tập 1*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2001.

[12]. *Trần Nhân Tông và Phật giáo Trúc Lâm đặc sắc tư tưởng, văn hóa*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2019.